



# THÔNG TIN TÓM TẮT

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0400101066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/07/2010, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 01/11/2016)

### ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- **Địa chỉ:** Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- **Điện thoại:** 0236.3696632
- **Fax:** 0236.3697222
- **Website:** <http://www.dawaco.com.vn>

**Phụ trách CBTT:** Bùi Thọ Ninh

**Chức vụ:** Thư ký Hội đồng quản trị

**Số điện thoại:** 0913422456

**Fax:** 0236.3697222

## MỤC LỤC

<b>I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....</b>	<b>4</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	4
1.1. Thông tin chung về công ty .....	4
1.2. Chứng khoán đăng ký giao dịch .....	5
1.3. Quá trình hình thành và phát triển .....	6
1.4. Quá trình tăng vốn .....	7
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty .....	7
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông của Công ty .....	10
3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	10
3.2. Cổ đông sáng lập .....	10
3.3. Cơ cấu cổ đông .....	10
4. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức ĐKGD, những công ty/tổ chức mà tổ chức ĐKGD đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty/tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức ĐKGD .....	11
5. Hoạt động kinh doanh .....	11
5.1. Sản phẩm dịch vụ chính.....	11
5.2. Quy trình kiểm tra chất lượng .....	13
6. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.....	15
7. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2016 .....	17
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	18
9. Chính sách đối với người lao động.....	20
9.1. Số lượng người lao động .....	20
9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	20
10. Chính sách cổ tức .....	22
11. Tình hình tài chính .....	22
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	22
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	25
12. Tài sản.....	26

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo .....	27
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất...)	28
14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh .....	28
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty .....	30
<b>II. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>30</b>
1. Hội đồng quản trị .....	30
2. Ban Kiểm soát .....	36
3. Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý .....	39
4. Việc thực hiện quy định về quản trị của Công ty .....	43
<b>III. PHỤ LỤC .....</b>	<b>43</b>

## I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Thông tin chung về công ty

- **Tên giao dịch:** CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
- **Tên giao dịch quốc tế:** DA NANG WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
- **Địa chỉ:** Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- **Điện thoại:** 0236.3696632
- **Fax:** 0236.3697222
- **Website:** <http://www.dawaco.com.vn>
- **Logo doanh nghiệp:**



- **Vốn điều lệ đăng ký:** 579.640.610.000 đồng (Năm trăm bảy mươi chín tỷ sáu trăm bốn mươi triệu sáu trăm mười nghìn đồng)
- **Vốn điều lệ thực góp:** 579.640.610.000 đồng (Năm trăm bảy mươi chín tỷ sáu trăm bốn mươi triệu sáu trăm mười nghìn đồng)
- **Ngày trở thành công ty đại chúng:** 22/02/2017 (theo Công văn số 911/UBCK-GSĐC ngày 22/02/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)
- **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Hồ Hương - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- **Giấy CNĐKKD số:** số 0400101066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/07/2010, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 01/11/2016.
- **Ngành nghề kinh doanh chính:**

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
3600 (Chính)	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thăm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống.
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: kiểm định, cân đo đồng hồ nước

1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước.
4100	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp
4312	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, cầu đường, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình điện đến 35KV

## 1.2. Chứng khoán đăng ký giao dịch

- **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Mã chứng khoán:** DNN
- **Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch:** 57.964.061 cổ phiếu
- **Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty:** 22.335.044 cổ phiếu (chiếm 38,53% vốn điều lệ của Công ty). Trong đó:
  - + 20.286.744 cổ phiếu của cổ đông chiến lược là CTCP Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 05 năm kể từ Công ty được cấp Giấy CNĐKDN công ty cổ phần (01/11/2016) theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
  - + 2.048.300 cổ phiếu bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên cam kết làm việc lâu dài tại Công ty theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011.
- **Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:** tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP; và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại ngày 01/04/2017, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty là 0%.

**1.3. Quá trình hình thành và phát triển**

<b>1945 đến 1950</b>	Được hình thành vào khoảng những năm 1945-1950, hệ thống cấp nước Đà Nẵng lúc bấy giờ chủ yếu cung cấp nước cho khu vực trung tâm với các giếng khoan và hệ thống đường ống nhỏ bé.
<b>Trước 1954 đến 1971</b>	Trước năm 1954 toàn thành phố đều sử dụng nước ngầm với 36 giếng khoan ở độ sâu 30-50m. Đến năm 1971 hai nhà máy khai thác nước sông Cẩm Lệ được xây dựng: Nhà máy nước Cầu Đỏ công suất 5.600m <sup>3</sup> /ngày đêm và Nhà máy nước Sân Bay công suất 12.000m <sup>3</sup> /ngày đêm. Đơn vị quản lý hệ thống cấp nước Đà Nẵng lúc bấy giờ là Thủy cục Đà Nẵng.
<b>1975</b>	Năm 1975, thành phố Đà Nẵng được giải phóng, hệ thống cấp nước Đà Nẵng được giữ nguyên vẹn, chính quyền cách mạng tiếp quản và duy trì liên tục hoạt động sản xuất cấp nước, góp phần giữ gìn tình hình an ninh trật tự trong những ngày đầu thành phố mới được giải phóng. Và ngay sau đó, đơn vị quản lý hệ thống cấp nước thành phố được thành lập có tên gọi là Nhà máy nước Đà Nẵng thay thế cho Thủy cục Đà Nẵng của chế độ cũ, công suất cấp nước lúc đó khoảng 12.000m <sup>3</sup> /ngày với 3.084 đồng hồ tiêu thụ của khách hàng.
<b>1979</b>	Năm 1979, để đáp ứng yêu cầu phát triển, người dân thành phố cần có nước máy sử dụng, Ban lãnh đạo Nhà máy nước Đà Nẵng lúc đó đã tập trung vào công tác củng cố cơ sở vật chất kỹ thuật, cải tạo, mở rộng nâng công suất Trạm cấp nước Cầu Đỏ đạt mức 12.000m <sup>3</sup> /ngày và Trạm cấp nước Sân Bay đạt mức 10.000m <sup>3</sup> /ngày. Cùng với việc cải tạo, mở rộng các trạm cấp nước, hệ thống đường ống cấp nước các loại cũng được thi công lắp đặt và đến năm 1985 tổng số đồng hồ khách hàng là 13.000 chiếc.
<b>1985</b>	<p>Năm 1985, để đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố, UBND tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng lúc bấy giờ đã thành lập Công ty Cấp nước Quảng Nam Đà Nẵng trên cơ sở Nhà máy nước Đà Nẵng được bổ sung nhiệm vụ và nâng cấp về quy mô tổ chức sản xuất kinh doanh. Được sự quan tâm của lãnh đạo cấp trên, Công ty Cấp nước Quảng Nam – Đà Nẵng đã triển khai các dự án với các công trình mang tính trọng điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đầu tư xây dựng Trạm cấp nước Sơn Trà I, II, III với công suất thiết kế 5.000 m<sup>3</sup>/ngày khai thác từ nguồn nước suối tại núi Sơn Trà và đưa vào hoạt động năm 1991.</li> <li>+ Cải tạo Nhà máy nước Cầu Đỏ nâng công suất lên 50.000m<sup>3</sup>/ngày và thi công lắp đặt tuyến ống chính D900 từ Nhà máy nước Cầu Đỏ về thành phố (dự án cải tạo hệ thống cấp nước Đà Nẵng bằng nguồn vốn vay ODA của Pháp giai đoạn 3A vào năm 2002).</li> <li>+ Xây dựng và cải tạo Nhà máy nước Sân Bay nâng công suất lên 30.000m<sup>3</sup>/ngày (dự án cải tạo hệ thống cấp nước Đà Nẵng giai đoạn 3B, hoàn thành vào năm 2005).</li> </ul> <p>Dự án cấp nước thành phố Đà Nẵng giai đoạn I với các hạng mục công trình: Xây dựng trạm bơm phòng mặn tại An Trạch và tuyến ống nước thô D1200 với công suất 250.000m<sup>3</sup>/ngày; xây dựng mới nhà máy công suất 120.000m<sup>3</sup>/ngày tại Nhà máy nước Cầu Đỏ...</p>
<b>1990 đến 2000</b>	Cùng với việc triển khai dự án, từ sau năm 1990, bộ máy tổ chức của Công ty cũng được củng cố và hoàn thiện, các Trạm cấp nước đổi tên thành các Nhà máy sản xuất nước, các Xí nghiệp được thành lập. Bắt đầu từ năm 2000, các Chi nhánh Cấp nước tại các quận, huyện được ra đời nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu quản lý và giao dịch với khách hàng.

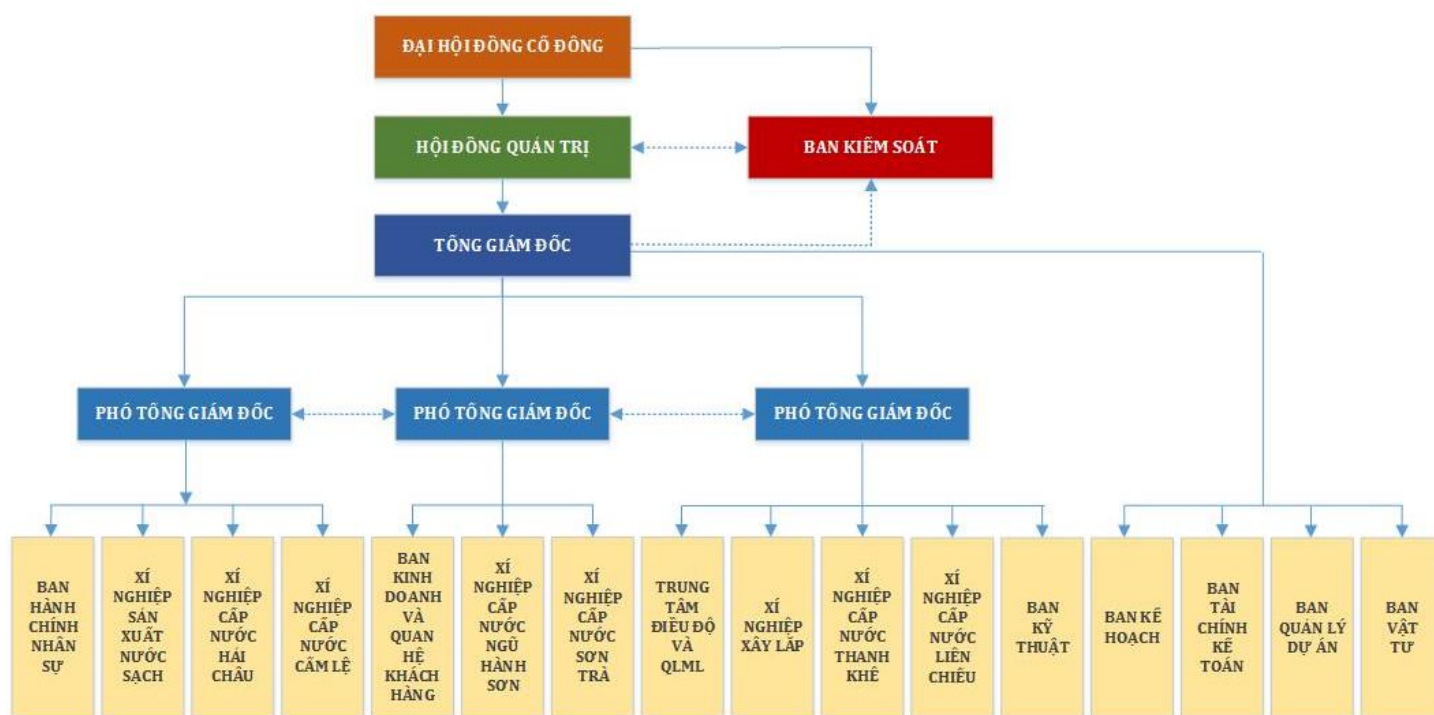
<b>2010</b>	<p>Ngày 14/06/2010, UBND thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số 4411/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Đề án chuyển Công ty Cấp nước Đà Nẵng (DNNN) thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Đà Nẵng.</p> <p>Ngày 01/07/2010, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101066 lần đầu và chính thức hoạt động với hình thức Công ty TNHH MTV.</p>
<b>2016</b>	<p>Ngày 09/08/2016, UBND TP. Đà Nẵng ra Quyết định số 5354/QĐ-UBND phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng thành CTCP Cấp nước Đà Nẵng. Ngày 18/10/2016, UBND TP. Đà Nẵng tiếp tục ra Quyết định số 7084/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh Vốn Điều lệ và cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu trong Phương án cổ phần hóa. Cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu bao gồm: 60% Vốn Nhà nước, 5% bán cho người lao động Công ty và 35% bán cho cổ đông chiến lược.</p> <p>Ngày 29/10/2016, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng được tổ chức. Ngày 01/11/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 579.640.610.000 đồng.</p>

#### 1.4. Quá trình tăng vốn

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty chưa thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ.

## 2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty

### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY



Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, các phòng ban được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế, nội quy khác của Công ty, cụ thể như sau:

**Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

**Hội đồng quản trị:** Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 5 năm. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

**Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

**Ban Tổng Giám đốc:** Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

#### **Các phòng chức năng:**

##### Ban Hành chính – Nhân sự

- Tham mưu giúp Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy, cán bộ và lao động phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh;
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về công tác lao động, tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động trong Công ty;
- Quản lý hành chính, an toàn lao động, công tác bảo vệ và quân sự của Công ty;
- Quản lý bảo dưỡng các xe con phục vụ Ban Điều hành.

##### Ban Kế hoạch

- Quản lý toàn bộ kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty;
- Tham mưu cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác xây dựng kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh; công tác thống kê tổng hợp tình hình sản xuất kinh doanh; điều phối sản xuất kinh doanh; quản lý, thanh quyết toán hợp đồng kinh tế; công tác đấu thầu.

##### Ban Tài chính – Kế toán

- Giúp Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành công tác tài chính, tổ chức công tác kế toán, thống kê và hạch toán kinh tế của Công ty thực hiện các quy định của nhà nước về tài chính, kế toán;
- Giúp Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty về quản lý và sử dụng vốn, tài sản đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

##### Ban Kỹ thuật



- Tham mưu giúp HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về quản lý kỹ thuật trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản các công trình hạ tầng đô thị;
- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy trình kỹ thuật trong sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản;
- Thực hiện các hoạt động tư vấn theo đăng ký kinh doanh.

#### Trung tâm Điều độ và quản lý mạng lưới

- Quản lý vận hành mạng lưới truyền dẫn;
- Theo dõi, quản lý nước thất thoát;
- Quản lý vận hành hệ thống SCADA;
- Quản lý vận hành phần mềm quản lý tài sản GIS;
- Dò tìm phát hiện rò rỉ trên mạng lưới đường ống.

#### Ban Vật tư

- Giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty trong công tác: mua sắm, tiếp nhận, cấp phát vật tư, thiết bị đảm bảo hiệu quả nhất trong sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty;

#### Ban Kinh doanh và Quan hệ khách hàng

- Phát hành hóa đơn điện tử và biên nhận thu tiền nước hàng tháng;
- Nhận bàn giao dữ liệu hóa đơn và biên nhận đến nhà khách hàng để thu tiền nước;
- Quản lý công nợ tiền nước của khách hàng tư nhân;
- Giám sát, xử lý các vụ việc, trường hợp vi phạm qui chế quản lý hệ thống cấp nước, các hiện tượng vi phạm hợp đồng sử dụng nước của khách hàng;
- Kiểm tra việc áp giá nước đúng mục đích sử dụng;
- Tham mưu giúp việc HĐQT, Tổng Giám đốc xử lý, giải quyết những vi phạm hoặc khiếu nại của khách hàng trong thực hiện hợp đồng dịch vụ cấp nước.

#### Ban Quản lý dự án

- Ban quản lý dự án có chức năng chuẩn bị, thực hiện các dự án do công ty làm chủ đầu tư

#### Xí nghiệp Xây lắp

- Hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp công trình theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và của Xí nghiệp.
- Tổ chức quản lý thi công theo đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

#### Xí nghiệp Sản xuất nước sạch

- Các đơn vị trực thuộc: NMN Cầu Đỏ, NMN Sân Bay, NMN Sơn Trà, NMN Hải Vân, Trạm bơm phòng mặn An Trạch, Trạm cấp nước Khe Lạnh, Xưởng nước đóng chai.

- Quản lý chất lượng nước, bao gồm từ nguồn nước, nước sản xuất của các nhà máy đến nơi tiêu thụ của khách hàng đảm bảo đạt tiêu chuẩn hiện hành của Bộ Y tế.

#### Các Xi nghiệp cấp nước

- Quản lý hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn được giao;
- Ký hợp đồng dịch vụ cấp nước và lắp đặt đồng hồ ống nhánh cho các hộ gia đình và các đơn vị có nhu cầu tiêu thụ nước trên địa bàn quản lý;
- Quản lý và sử dụng hiệu quả, an toàn lao động, tài sản, thiết bị, phương tiện thiết bị, vật tư mà Công ty giao cho đơn vị;
- Thực hiện nhiệm vụ đột xuất theo yêu cầu của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty.

### **3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông của Công ty**

#### **3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Tại thời điểm 01/04/2017, danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMT/Hộ chiếu/GCNDKDN	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) trên VDL thực góp
1	ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	24 Trần Phú, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	-	34.824.217	60,08
2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐÀ NẴNG MIỀN TRUNG	99 Núi Thành, Phường Hoà Thuận Đông, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	400578412	20.286.744	35,00
	<b>Tổng cộng</b>			<b>55.110.961</b>	<b>95,08%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 01/04/2017 của CTCP Cấp nước Đà Nẵng*

#### **3.2. Cổ đông sáng lập**

Công ty không có cổ đông sáng lập.

#### **3.3. Cơ cấu cổ đông**

Cơ cấu cổ đông của Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng tại thời điểm 01/04/2017 như sau:

STT	Loại Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>625</b>	<b>57.964.061</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông cá nhân	623	2.853.100	4,92
2	Cổ đông tổ chức	2	55.110.961	95,08

<b>II</b>	<b>Cổ đông ngoài nước</b>	-	-	-
1	Cổ đông cá nhân	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>625</b>	<b>57.964.061</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 01/04/2017 của CTCP Cấp nước Đà Nẵng*

#### **4. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức ĐKGD, những công ty/tổ chức mà tổ chức ĐKGD đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty/tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức ĐKGD**

##### **4.1. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con của tổ chức ĐKGD: Không có**

##### **4.2. Danh sách những Công ty/tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng**

- Tên tổ chức: Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng (Đại diện sở hữu vốn nhà nước)
- Địa chỉ: 24 Trần Phú, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Điện thoại: (0236) 3.893.777
- Fax: (0236) 3.821.286
- Website: <http://danang.gov.vn/>
- Số cổ phiếu sở hữu tại tổ chức ĐKGD: 34.824.217 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 60,08% Vốn điều lệ

##### **4.3. Danh sách những Công ty/tổ chức mà Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Không có

#### **5. Hoạt động kinh doanh**

##### **5.1. Sản phẩm dịch vụ chính**

Công ty đang hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực sau:

- Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước;
- Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước;
- Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thẩm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống;
- Kiểm định, cân đo đồng hồ nước.

**5.2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các năm***Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Khoản mục	2016					
		2015		Giai đoạn 01/01/2016 – 31/10/2016		Giai đoạn 01/11/2016 – 31/12/2016	
		Giá trị	Tỷ trọng %/DTT	Giá trị	Tỷ trọng %/DTT	Giá trị	Tỷ trọng %/DTT
1	Doanh thu ngành nước	349.985	96,75%	324.589	97,94%	65.292	98,45%
2	Doanh thu hoạt động khác (xây lắp, vật tư, nước đóng chai)	11.747	3,25%	6.816	2,06%	1.025	1,55%
	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>361.732</b>	<b>100%</b>	<b>331.405</b>	<b>100%</b>	<b>66.317</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán 10 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng và BCTC kiểm toán 2 tháng cuối năm 2016 của CTCP Cấp nước Đà Nẵng*

**5.3. Chi phí sản xuất kinh doanh***Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Khoản mục	2016					
		2015		Giai đoạn 01/01/2016 – 31/10/2016		Giai đoạn 01/11/2016 – 31/12/2016	
		Giá trị	Tỷ trọng %/DTT	Giá trị	Tỷ trọng %/DTT	Giá trị	Tỷ trọng %/DTT
1	Giá vốn hàng bán	195.890	54,15%	182.996	55,22%	34.205	51,58%
2	Chi phí tài chính	16.512	4,56%	3.774	1,14%	762	1,15%
3	Chi phí bán hàng	43.904	12,14%	42.112	12,71%	8.373	12,63%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.191	9,73%	31.664	9,55%	9.909	14,94%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>291.497</b>	<b>80,58%</b>	<b>260.546</b>	<b>78,62%</b>	<b>53.249</b>	<b>80,29%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán 10 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng và BCTC kiểm toán 2 tháng cuối năm 2016 của CTCP Cấp nước Đà Nẵng*

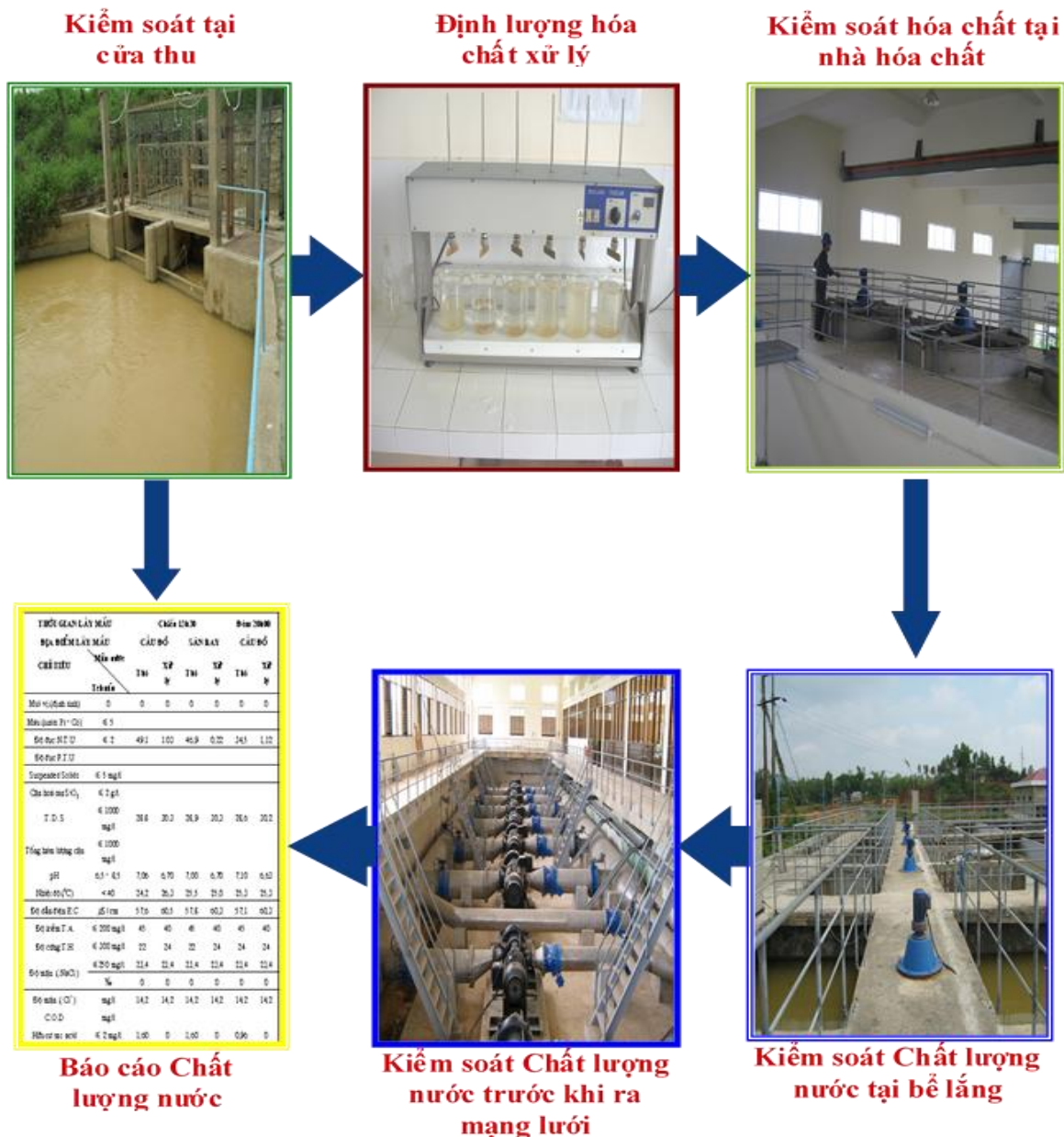
**5.4. Quy trình kiểm tra chất lượng**

Hiện nay tại Nhà máy nước Cầu Đỏ đã được UBND thành phố Đà Nẵng thực hiện dự án “Thành phố thông minh” hạng mục: Hệ thống giám sát chất lượng nước. Dự án đã được đưa vào sử dụng vào tháng 7/2013. Nhiệm vụ của hệ thống: theo dõi, giám sát quản lý chất lượng nước từ nguồn qua các công đoạn xử lý tới chất lượng nước sạch phát ra mạng lưới. Tất cả các thông tin đều được kết nối internet thông qua trang thông tin điện tử của Công ty.

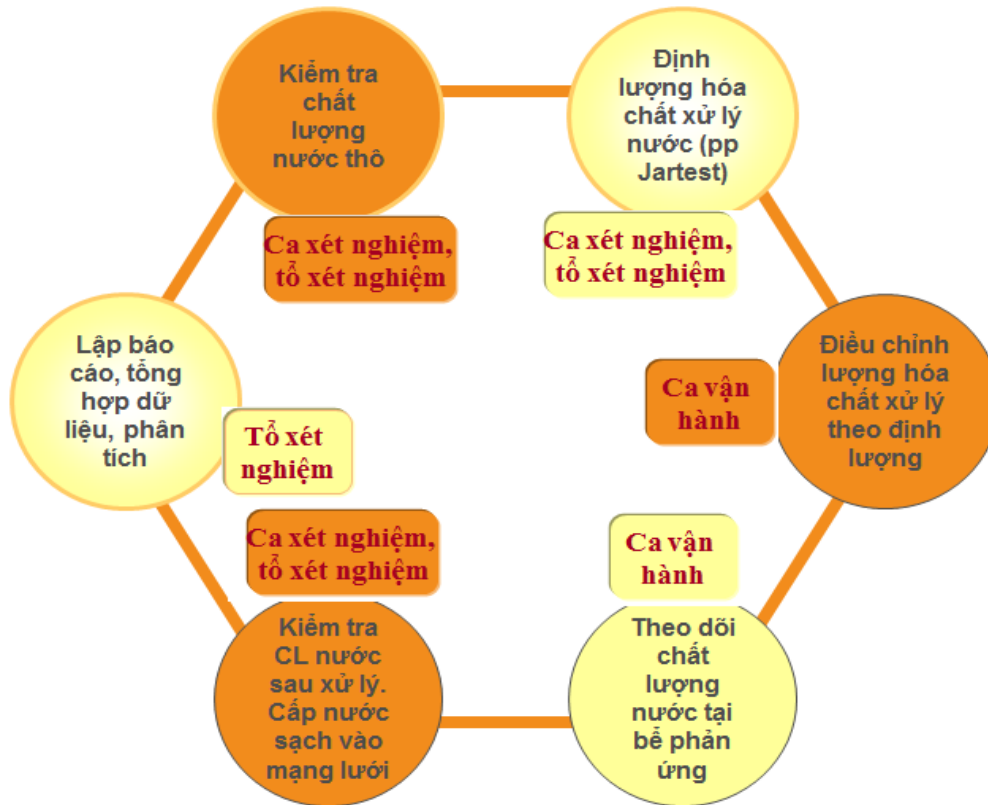
✚ Các dụng cụ, thiết bị kiểm soát chất lượng nước:

- Máy đo EC;
- Thiết bị Jatest;
- Máy đo độ đục;
- Máy quang phổ DR2010;
- Thiết bị đo vi sinh;
- Hóa chất chuẩn độ.

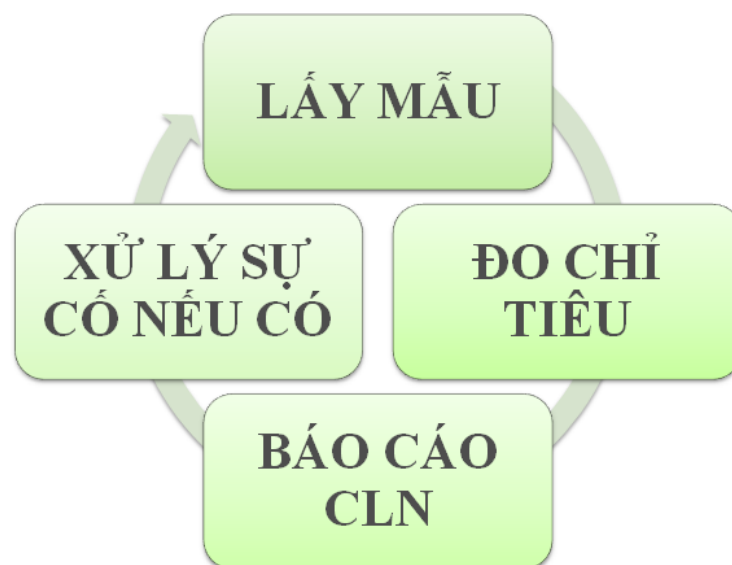
**Quy trình Kiểm soát chất lượng nước tại nhà máy**



Quy trình Kiểm soát chất lượng nước tại nhà máy



Quy trình Kiểm soát chất lượng nước trên mạng lưới



## 6. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh

### 6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015 và 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	
			Giai đoạn 01/01/2016 – 31/10/2016	Giai đoạn 01/11/2016 – 31/12/2016
1	Tổng giá trị tài sản	738.382	1.018.021	1.031.760
2	Vốn chủ sở hữu	359.028	354.501	601.266
3	Doanh thu thuần	361.732	331.405	66.317
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	74.940	77.439	16.210
5	Lợi nhuận khác	(824)	396	96
6	Lợi nhuận trước thuế	74.115	77.834	16.306
7	Lợi nhuận sau thuế	55.196	60.126	12.632
8	Giá trị sổ sách	-	-	10.373

Nguồn: BCTC kiểm toán 10 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng và BCTC kiểm toán 2 tháng cuối năm 2016 của CTCP Cấp nước Đà Nẵng

### Ý kiến của đơn vị kiểm toán tại BCTC kiểm toán 10 tháng đầu năm 2016

#### **“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại điểm (i) của Thuyết minh số 10.b, khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá phát sinh năm 2006 hiện còn phản ánh tại khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/10/2016 là 24.326.111.780 đồng. Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá như trên là chưa phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Nếu ghi nhận theo đúng quy định của Chuẩn mực thì các khoản lỗ phát sinh từ chênh lệch tỷ giá cần được hạch toán vào chi phí của niên độ kế toán liên quan.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/10/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/10/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

1. Như đã trình bày tại mục số 34 của Thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu trình bày ở cột so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015. Do đó, các số liệu này được lập cho mục đích cung cấp bổ sung thông tin và không so sánh được với số liệu kỳ hiện tại do không đồng nhất về kỳ kế toán.
2. Chúng tôi lưu ý người đọc đến điểm (ii) của Thuyết minh số 20b, Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/10/2016 theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ (tự xếp loại doanh nghiệp loại A, hoàn thành nhiệm vụ được giao).

#### **Vấn đề khác**

Báo cáo này được phát hành lại theo đề nghị tại Công văn số 260/CTCN ngày 12/03/2017 của Công ty và thay thế cho báo cáo kiểm toán số 29/2017/BCKT-AAC ngày 23/01/2017 về báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/10/2016 lập ngày 23/01/2017. Theo đó, Công ty đề nghị hạch toán bổ sung một số nghiệp vụ kinh tế của kỳ kế toán 10 tháng đầu năm 2016 bị bỏ sót và một số điều chỉnh khác so với báo cáo tài chính lập ngày 23/01/2017.”

#### **Ý kiến của đơn vị kiểm toán tại BCTC kiểm toán 2 tháng cuối năm 2016**

##### **“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại điểm (i) của Thuyết minh số 11.b, khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá phát sinh năm 2006 hiện còn phản ánh tại khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 là 23.668.649.299 đồng. Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá như trên là chưa phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Nếu ghi nhận theo đúng quy định của Chuẩn mực thì các khoản lỗ phát sinh từ chênh lệch tỷ giá cần được hạch toán vào chi phí của niên độ kế toán liên quan.

##### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

##### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại mục số 35 của Thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu trình bày ở cột so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/10/2016. Do đó, các số liệu này được lập cho mục đích cung cấp bổ sung thông tin và không so sánh được với số liệu kỳ hiện tại do không đồng nhất về kỳ kế toán.

##### **Vấn đề khác**



*Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/11/2016. Tuy nhiên cho đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các bên vẫn chưa hoàn tất thủ tục bàn giao vốn và tài sản cũng như các số liệu kế toán khác giữa Doanh nghiệp nhà nước và Công ty Cổ phần. Theo đó, số liệu trên Báo cáo tài chính đính kèm có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau này.”*

## **6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2016**

Quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty có những thuận lợi, song cũng có nhiều thách thức, khó khăn tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh, các mặt công tác:

### **Về thuận lợi**

- Nhìn chung, các hoạt động của Công ty đã có nề nếp được xây dựng và duy trì từ nhiều năm trước, khi triển khai nhiệm vụ năm 2016, các đơn vị, các cá nhân và cán bộ chủ chốt trong Công ty tiếp tục phát huy và từng bước có sự đổi mới để nâng cao hiệu quả, khẳng định vị thế của một doanh nghiệp đứng đầu của ngành nước trong khu vực Miền Trung-Tây Nguyên.
- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Thành phố, sự hỗ trợ nhiệt tình của các cơ quan ban ngành trong thành phố đã tạo nhiều điều kiện cho Công ty thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2016.
- Đội ngũ CBCNV Công ty có năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, giải quyết nhanh, kịp thời các tình huống, các sự cố phát sinh trong sản xuất. Các tổ chức đoàn thể phát huy tinh thần đoàn kết, kỷ luật và đồng tâm nên đã tranh thủ tốt những thuận lợi, khắc phục những khó khăn, vượt qua thách thức, từng bước vươn lên, thực hiện hoàn thành cơ bản kế hoạch đề ra.

### **Về khó khăn**

- Giống như những năm gần đây, năm 2016 Công ty tiếp tục gặp khó khăn do tình hình nước nhiễm mặn tiếp tục kéo dài, đồng thời mực nước nguồn thấp khiến việc khai thác, xử lý rất phức tạp và tốn kém.
- Việc phát triển nóng các khách sạn, nhà hàng không nằm trong quy hoạch cũng như sự tăng dân số cơ học đã làm cho việc cấp nước của Công ty gặp khó khăn trong mùa hè, trong các kỳ lễ hội.
- Thủ tục quản lý đầu tư xây dựng hiện hành còn nhiều bất cập, thời gian xử lý chậm dẫn đến tiến độ thực hiện dự án trễ, không kịp thời đáp ứng được nhu cầu phát triển cấp nước của thành phố.
- Việc xin cấp phép cải tạo các tuyến thép nằm dưới vỉa hè, qua đường nhằm giảm thất thoát, tăng chất lượng nước cũng gặp nhiều khó khăn dẫn đến một số công trình trong kế hoạch 2016 không thực hiện được phải chuyển qua kế hoạch 2017.

## 7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 7.1. Vị thế doanh nghiệp trong ngành

Công ty hiện đang quản lý mạng lưới cấp nước trên toàn địa bàn thành phố Đà Nẵng, vì vậy Công ty không có các doanh nghiệp cùng ngành nghề cạnh tranh. Hiện nay, Công ty có công suất là 250.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và đang đứng trong top 5 toàn quốc về công suất cấp nước. Đồng thời, Công ty cũng là đơn vị cấp nước có chỉ số Benchmarking tốt trong các công ty cấp nước trên toàn quốc.

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân và các tổ chức trong xã hội nên chất lượng phục vụ luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Chất lượng phục vụ của các hoạt động công ích của Công ty ngày càng được nâng cao nên được khách hàng tin tưởng và ủng hộ. Đây là yếu tố rất thuận lợi giúp Công ty có khả năng cạnh tranh sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần.

### 7.2. Triển vọng phát triển ngành

Nước sạch là mặt hàng thiết yếu trong sinh hoạt và sản xuất, khi kinh tế càng phát triển, tốc độ đô thị hóa cao thì nhu cầu sử dụng nước sạch cũng ngày càng tăng. Hơn nữa nguồn nước ngầm, nước mặt ngày càng cạn kiệt và trở nên ô nhiễm, khi đó nhu cầu sử dụng nước trong tự nhiên được thay thế bởi các nguồn nước sạch do công ty cấp nước cung cấp. Nước sạch là loại hàng hóa mang tính chất dịch vụ công cộng, sản phẩm làm ra được người dân và các ngành kinh tế tiêu thụ ngay. Theo Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 về việc Phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050, tiêu chuẩn cấp nước cho người dân thành phố sẽ là 130 lít/người/ngày. Do tính độc quyền cao và đặc điểm của sản phẩm nên đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho công ty hoạt động trong lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, Đà Nẵng là trung tâm kinh tế, văn hóa của khu vực miền Trung, là vùng kinh tế trọng điểm trong khu vực, vì vậy việc kêu gọi đầu tư nước ngoài là rất cần thiết. Theo đó, việc xây dựng cơ sở hạ tầng trong đó có hệ thống cấp nước là cấp thiết và phải được đặt lên hàng đầu.

Ngoài ra, với lợi thế của thành phố Đà Nẵng là có nhiều tiềm năng du lịch, sự gia tăng dân số cũng như dân cư từ các địa phương khác tập trung về làm ăn sinh sống làm cho nhu cầu sử dụng nước sạch cũng gia tăng tương ứng, đòi hỏi sản lượng cung cấp nước ngày càng cao.

Theo Quyết định số 2357/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được điều chỉnh như sau:

- Phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành thành phố cấp quốc gia, hiện đại, là đô thị trung tâm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội vùng miền Trung và Tây Nguyên.
- Phát triển không gian thành phố theo hướng toàn diện và bền vững đảm bảo an ninh quốc phòng.
- Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành thành phố đặc biệt cấp quốc gia. hướng tới đô thị cấp quốc tế và phát triển bền vững.
- Là đô thị loại I trực thuộc Trung ương, trung tâm kinh tế lớn của quốc gia về du lịch, công nghiệp, thương mại, dịch vụ tài chính ngân hàng, có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển đô thị quốc gia.

- Là trung tâm văn hóa thể dục thể thao, giáo dục đào tạo, trung tâm khoa học kỹ thuật và công nghệ của khu vực miền Trung và Tây Nguyên.
- Là đầu mối giao thông, viễn thông quan trọng trong vùng, quốc gia và quốc tế.
- Là một trong những địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng an ninh khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước.
- Dự báo đến năm 2020 dân số thành phố Đà Nẵng khoảng 1,6 triệu người, trong đó dân số đô thị khoảng 1,3 triệu người. Dự báo đến năm 2030 dân số thành phố Đà Nẵng khoảng 2,5 triệu người (bao gồm dân số tạm trú và dân số quy đổi lượng khách du lịch ước tính năm 2030), trong đó dân số đô thị khoảng 2,3 triệu người.

Dawaco dự kiến tỉ lệ người dân dùng nước từ năm 2015 – 2025 tăng mỗi năm là 1,2%. Từ năm 2025 trở đi 100% người dân Thành phố sẽ được sử dụng nước sạch. Do đó có thể nhận thấy rõ rệt triển vọng phát triển của ngành cấp nước nói chung và của Công ty nói riêng trong thời gian tới.

### 7.3. Định hướng phát triển của Công ty

- ✚ Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, tăng tỷ lệ bao phủ cấp nước:
  - Từ nguồn vốn Công ty: Đầu tư phát triển các tuyến ống phân phối và ống nhánh dịch vụ theo yêu cầu của người dân.
  - Từ nguồn vốn vay ADB: Dự án “Mở rộng Hệ thống Cấp nước Đà Nẵng giai đoạn 2012-2018” (giai đoạn 1: 2012-2016) sẽ cải tạo và mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước.
- ✚ Kế hoạch xây dựng và nâng công suất các nhà máy sản xuất nước để tăng khả năng cấp nước trong giai đoạn 2015-2020:
  - Xây dựng cụm xử lý nước mới của Nhà máy nước Cầu Đỏ công suất 60.000 m<sup>3</sup>/ngày, nâng công suất của Nhà máy nước Cầu Đỏ lên 230.000 m<sup>3</sup>/ngày vào năm 2019.
  - Xây dựng mới nhà máy nước Hòa Liên công suất 120.000 m<sup>3</sup>/ngày, nâng tổng công suất cấp nước của hệ thống lên 390.000 m<sup>3</sup>/ngày vào năm 2020.
- ✚ Đảm bảo cấp nước liên tục và an toàn về chất lượng và lưu lượng:
  - Chuẩn bị đầu tư máy phát điện dự phòng cho trạm bơm phòng mặn An Trạch và máy phát điện dự phòng cho Nhà máy nước Sân Bay.
  - Đầu tư xây dựng Phòng xét nghiệm nước và lắp đặt các thiết bị kiểm soát chất lượng nước (độ đục clo dư) online trên mạng lưới từ dự án vay vốn ADB.
- ✚ Giảm thất thoát và thất thu nước:
  - Thay thế đồng hồ hư hỏng, chất lượng kém đã sử dụng trên 05 năm.
  - Đầu tư cải tạo mạng lưới đường ống cấp nước và thay thế các tuyến ống không đảm bảo chất lượng.
  - Bảo dưỡng đồng hồ van khóa mạng cấp 1 và 2.
  - Trang bị đồng hồ phân vùng tách mạng quản lý cấp nước. Hoàn thiện việc tách mạng các khu vực tại các vùng cấp nước.

- Lắp đặt bơm tăng áp mạng lưới.
- Kiểm tra, giám sát phân vùng tách mạng và khắc phục sự cố trên hệ thống mạng truyền dẫn. Chủ động dò tìm rò rỉ, khoanh vùng các khu vực có thất thoát nước cao để xử lý giảm thất thoát.

#### 7.4. Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Nhận thấy triển vọng phát triển của ngành, Công ty đã xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của Thành phố. Định hướng của Công ty hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của TP Đà Nẵng đến năm 2030, phù hợp với tốc độ phát triển của ngành trong thời gian tới.

### 8. Chính sách đối với người lao động

#### 8.1. Số lượng người lao động

Tại thời điểm 31/12/2016, tổng số cán bộ, công nhân viên Công ty là 687 người.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Phân loại theo trình độ chuyên môn</b>		
1	Đại học, sau đại học	200	29,11%
2	Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp	188	27,37%
3	Trình độ khác	299	43,52%
<b>B</b>	<b>Phân loại theo giới tính</b>		
1	Nam	462	67,25%
2	Nữ	225	32,75%
<b>C</b>	<b>Phân loại theo hợp đồng lao động</b>		
1	Hợp đồng không thời hạn	538	78,31%
2	Hợp đồng thời hạn từ 12 – 36 tháng	71	10,33%
3	Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	78	11,36%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>687</b>	<b>100%</b>

#### 8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

##### Mức lương bình quân người lao động

Năm 2014 mức lương bình quân của người lao động là: 7.015.245 đồng/tháng/người.

Năm 2015 mức lương bình quân của người lao động là: 7.210.361 đồng/tháng/người.

Năm 2016 mức lương bình quân của người lao động là: 7.590.038 đồng/tháng/người.

## **Chế độ, chính sách khác với người lao động**

### **Chính sách đào tạo**

Công ty coi trọng công tác đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, văn hóa, ngoại ngữ, tin học cho NLD nhằm phục vụ thiết thực có hiệu quả cao cho Công ty.

Trong chiến lược phát triển Công ty, từng giai đoạn, vào thời điểm thích hợp, Công ty sẽ đào tạo hoặc cử NLD đi đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ tay nghề cho phù hợp với yêu cầu công việc thực tế. Tổ chức các lớp thi tay nghề cho công nhân kỹ thuật, tổ chức cho cán bộ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ đi học tập kinh nghiệm ở các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

Công ty khuyến khích và tạo điều kiện cho NLD tự học hỏi nâng cao, bồi dưỡng nghiệp vụ, trình độ chuyên môn để phục vụ công việc tốt hơn.

### **Chính sách lương thưởng, chế độ, trợ cấp**

Công ty phối hợp với BCH CĐCS tổ chức bữa ăn giữa ca cho NLD. Mức chi ăn giữa ca do Hội đồng quản trị Công ty quyết định theo đề nghị của Tổng giám đốc và BCH CĐCS Công ty trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh và tiết kiệm các khoản chi phí sản xuất nhưng tối đa không vượt quá 730.000 đồng/người/tháng được thanh toán bằng tiền (không áp dụng đối với NLD thử việc, học việc, học nghề).

Ngoài bảo hiểm xã hội, NSDLĐ sẽ mua bảo hiểm thân thể, tai nạn (24/24 giờ) cho toàn bộ NLD đã ký HĐLĐ đang làm việc tại Công ty. Khi xảy ra tai nạn lao động và những rủi ro khác, NLD được hưởng các chế độ do bảo hiểm xã hội chi trả.

NSDLĐ có trách nhiệm tập huấn công tác an toàn vệ sinh lao động, thực hiện đầy đủ việc trang cấp phương tiện bảo hộ lao động và khám sức khỏe định kỳ cho NLD ít nhất 01 lần/năm, việc khám sức khỏe phải do các đơn vị y tế có đủ chức năng thực hiện. NSDLĐ có trách nhiệm trang bị tủ thuốc y tế và bổ sung thuốc, dụng cụ y tế đầy đủ, đặc biệt tại các đơn vị sản xuất.

Căn cứ vào nguồn quỹ phúc lợi hằng năm, BCH CĐCS và NSDLĐ sử dụng vào mục đích như: đám tang, công tác xã hội, từ thiện khác.

Mức thăm hỏi đối với NLD trong các trường hợp được thực hiện theo Quy chế sử dụng Quỹ tình thương. Ngoài ra Công ty còn trích Quỹ phúc lợi để tổ chức thăm hỏi trợ cấp và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ do Công ty ban hành.

Mỗi năm một lần, BTGD Cty phối hợp cùng BCH CĐCS tổ chức cho NLD tham quan du lịch một lần. Kinh phí tổ chức do Công ty, CĐCS và NLD đóng góp. Tiêu chuẩn đối với NLD để được đi du lịch hằng năm:

- NLD có 3 năm công tác tại Công ty trở lên;
- Chu kỳ đi du lịch: 05 năm/lần/người;
- Chi phí du lịch không quá 10 triệu/người, phân chênh lệch vượt do NLD đóng góp. Lương được hưởng trong thời gian du lịch được thực hiện theo Quy chế trả lương của Công ty.

Vào dịp Tết Nguyên đán, Ban Tổng giám đốc Công ty phối hợp BCH Công đoàn chăm lo tốt đời sống vật chất cho NLD bằng hình thức tặng quà. Trị giá mỗi suất quà tặng phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh hằng năm.

Tiền thưởng: Công ty có trách nhiệm xây dựng Quy chế thưởng quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn xét thưởng cho NLD.

Ngoài quy định nâng lương định kỳ hàng năm, Công ty sẽ xét nâng lương trước thời hạn cho NLD trong trường hợp sau:

- Bổ sung chứng chỉ bằng cấp phù hợp công việc đang phụ trách;
- Có sáng kiến, tiết kiệm nguyên vật liệu trị giá từ 100 triệu đồng trở lên (sáng kiến được Hội đồng sáng kiến Công ty công nhận).

## 9. Chính sách cổ tức

Công ty chính thức đi vào hoạt động với hình thức Công ty cổ phần từ cuối năm 2016, vì thế sẽ không chi trả cổ tức cho năm 2016.

Chính sách cổ tức các năm sắp tới sẽ thực hiện theo thực hiện tình hình hoạt động kinh doanh sản xuất của Công ty và theo đúng quy định của pháp luật. Theo đó, hàng năm Hội đồng quản trị sẽ định hướng và đệ trình phương án chi trả cổ tức, trình Đại hội đồng cổ đông xét duyệt thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

## 10. Tình hình tài chính

### 10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cơ bản

##### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương thức đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản và phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
• Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
• Máy móc thiết bị	06 – 15
• Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 15
• Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10
• Tài sản cố định hữu hình khác	06 – 12

##### Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương thức đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
---------------------	---------------------------------

- Phần mềm vi tính

04

### Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn đảm bảo nộp ngân sách đầy đủ, trả nợ vay đúng hạn, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn. Công ty luôn được các tổ chức tín dụng đánh giá cao về khả năng thanh toán cũng như uy tín trong việc sử dụng nợ vay.

### Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016
1	Thuế GTGT	52	258
2	Thuế thu nhập DN	7.876	17.056
3	Thuế tài nguyên	145	271
4	Thuế thu nhập cá nhân	-	627
5	Các khoản thuế phải nộp khác	3.742	2.481
	<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>11.815</b>	<b>20.693</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán 10 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng và BCTC kiểm toán 2 tháng cuối năm 2016 của CTCP Cấp nước Đà Nẵng*

### Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện tốt việc trích lập quỹ đúng theo điều lệ Công ty và theo luật định:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các quỹ của Công ty	31/12/2015	31/12/2016
1	Quỹ đầu tư phát triển	4.477	-
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	22.274	16.782
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	9.351	12.929
	<b>Tổng cộng</b>	<b>36.102</b>	<b>29.711</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán 10 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng và BCTC kiểm toán 2 tháng cuối năm 2016 của CTCP Cấp nước Đà Nẵng*

### Tình hình công nợ hiện nay (tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả)

#### a. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016
-----	-----------	------------	------------

<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>32.475</b>	<b>25.642</b>
1	Phải thu khách hàng	24.501	18.229
2	Trả trước cho người bán	2.181	2.529
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
4	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.793	5.853
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(969)
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>32.475</b>	<b>25.642</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 10 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng  
và BCTC kiểm toán 2 tháng cuối năm 2016 của CTCP Cấp nước Đà Nẵng

#### b. Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>156.351</b>	<b>211.511</b>
1	Phải trả người bán	9.050	4.021
2	Người mua trả tiền trước	2.036	1.921
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.816	20.693
4	Phải trả người lao động	23.884	19.767
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	250
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	6	6
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.779	3.074
8	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	83.506	144.998
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	22.274	16.781
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>223.003</b>	<b>218.983</b>
1	Phải trả dài hạn khác	209.903	193.985
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.749	12.069
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	9.351	12.929
	<b>Tổng cộng</b>	<b>379.354</b>	<b>430.494</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 10 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng  
và BCTC kiểm toán 2 tháng cuối năm 2016 của CTCP Cấp nước Đà Nẵng



**Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2015	31/12/2016
<b>I</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-	<b>52.296.264.371</b>
1	Chứng khoán kinh doanh	-	-
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm)	-	52.296.264.371
<b>II</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	-	<b>52.296.264.371</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 10 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng và BCTC kiểm toán 2 tháng cuối năm 2016 của CTCP Cấp nước Đà Nẵng

**10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	
			Giai đoạn 01/01/2016-31/10/2016	Giai đoạn 01/11/2016 - 31/12/2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,64	1,29	2,81
- Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	Lần	1,45	1,21	2,66
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	51,38	65,18	41,72
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	105,66	187,17	71,60
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Lần	7,12	5,72	1,04
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,54	0,38	0,06
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	15,26	18,14	19,05
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,27	16,85	2,64

- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,17	6,85	1,23
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	20,72	23,37	24,44

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 10 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng và BCTC kiểm toán 2 tháng cuối năm 2016 của CTCP Cấp nước Đà Nẵng*

## 11. Tài sản

Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2016 như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	GTCL	%GTCL /NG
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>1.276.902</b>	<b>372.545</b>	<b>29,18%</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	163.911	78.771	48,06%
2	Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.065.211	263.167	24,71%
3	Máy móc thiết bị	43.317	28.553	65,92%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	4.279	1.946	45,48%
5	Tài sản cố định khác	184	108	58,70%
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>7.621</b>	<b>1.000</b>	<b>13,12%</b>
1	Phần mềm kế toán	54	-	-
2	Phần mềm máy tính	7.567	1.000	13,21%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.284.523</b>	<b>373.545</b>	<b>29,08%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2 tháng cuối năm 2016 của CTCP Cấp nước Đà Nẵng*

## Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

STT	Chỉ tiêu	01/11/2016	31/12/2016
1	Cải tạo Trạm Chi nhánh Sơn Trà 1,2 và tuyến ống D300	3.603	5.248
2	Lắp đặt tuyến ống D400 qua cầu Trần Thị Lý	3.003	2.915
3	Các công trình khác	16.023	17.253
	<b>Tổng cộng</b>	<b>22.629</b>	<b>25.416</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2 tháng cuối năm 2016 của CTCP Cấp nước Đà Nẵng*

## 12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

### 12.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Căn cứ Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng. Trên cơ sở các định hướng chiến lược và kế hoạch phát triển, dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty các năm tới như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Kế hoạch (*)	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch (*)	% tăng giảm so với năm 2017
Vốn điều lệ	579.641	-	579.641	-
Doanh thu thuần (**)	408.140	2,62%	449.414	10,11%
Lợi nhuận sau thuế (**)	47.160	(35,18%)	50.800	7,72%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,55%	-	11,30%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	8,14%	-	8,76%	-
Cổ tức	6,51%	-	7,01%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thành lập CTCP Cấp nước Đà Nẵng

(\*) Đây là kế hoạch được thông qua tại ĐHĐCĐ thành lập Công ty. Số liệu kế hoạch năm 2017 và 2018 sẽ có thể thay đổi sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và năm 2018 thông qua.

(\*\*) Các số liệu doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2016 được dùng để so sánh là tổng doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của 2 giai đoạn 10 tháng đầu năm và 02 tháng cuối năm 2016. Do hai giai đoạn ghi nhận theo chế độ kế toán khác nhau, nên việc so sánh này chỉ mang tính tương đối.

Kế hoạch lợi nhuận năm 2017 giảm nhiều so với năm 2016 là do: Kế hoạch này được xây dựng trên cơ sở Công ty áp dụng phương pháp khấu hao nhanh TSCĐ và đã được trình Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty (tổ chức ngày 29/10/2016) thông qua. Tuy nhiên, sau thời điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty, UBND TP. Đà Nẵng có Công văn số 8982/UBND-KT1, ngày 02/11/2017 yêu cầu thay đổi chế độ ghi nhận khấu hao tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng sang phương pháp khấu hao đường thẳng trong khoảng thời gian chốt số liệu chờ cổ phần hóa (năm 2015 và 10 tháng đầu năm 2016). Từ đó dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế của Công ty trong giai đoạn năm 2015 và 10 tháng đầu năm 2016 tăng đột biến và có sự chênh lệch so với kế hoạch kinh doanh năm 2017 nói trên.

Sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần, Công ty tiếp tục sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng, theo đó kế hoạch kinh doanh của năm 2017 và 2018 sắp tới được HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên dự kiến sẽ có sự điều chỉnh so với số liệu được trình bày trong Bản Thông tin tóm tắt này.

### 12.2. Giải pháp thực hiện kế hoạch đề ra:

 Giải pháp về thị trường:

Quảng bá thương hiệu và chất lượng sản phẩm, tăng cường chất lượng dịch vụ ngành nước, tiếp tục duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng máy móc, thiết bị, đường ống đảm bảo cung cấp nước sạch đạt chất lượng, đề kháng định uy tín thương hiệu, đáp ứng nhu cầu đa dạng các đối tượng khách hàng,

#### **✚ Về năng lực sản xuất kinh doanh:**

Hiện nay tổng công suất thiết kế của các nhà máy là 210,00m<sup>3</sup>/ngày – với công suất hiện tại chỉ đáp ứng cho nhu cầu thành phố đến năm 2016, Vì vậy, trong giai đoạn từ năm 2016 đến 2019 Công ty sẽ cải tạo và xây mới 01 dây chuyền xử lý nước công suất 60,000m<sup>3</sup>/ngày tại nhà máy nước Cầu Đò nâng công suất cấp nước lên 270,000m<sup>3</sup>/ngày nhằm đáp ứng nhu cầu dùng nước của thành phố Đà Nẵng,

#### **✚ Giải pháp về công tác đầu tư phát triển:**

Tiếp tục đầu tư nâng cao công suất cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, mở rộng mạng lưới để tăng cường độ bao phủ mạng lưới, phấn đấu đến năm 2018 tỉ lệ người dân thành phố Đà Nẵng dùng nước sạch là 98%,

#### **✚ Giải pháp về vốn:**

- Tập trung tích lũy vốn để có một tiềm lực tài chính mạnh, đủ tầm vóc để thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch của thành phố Đà Nẵng,
- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, tối đa hóa công suất các công trình đầu tư.

### **13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất...)**

Không có

### **14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh**

#### **Về công tác quản lý nguồn nhân lực**

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc. Việc thành lập HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc sẽ tuân theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành về công ty cổ phần; Cơ sở hoạt động của công ty cổ phần là Điều lệ, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và các quy định có liên quan.

Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty cũng sẽ được sắp xếp, tinh giảm ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Việc sử dụng lao động sau khi chuyển sang công ty cổ phần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.

- Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa.
- Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực.
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động; xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.
- Công ty cũng sắp xếp lại và củng cố một số Phòng, Ban để tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng hệ thống bảng lương chức danh đúng với năng lực trình độ của CBCNV nhằm có cơ sở phân phối thu nhập phù hợp với việc sử dụng lao động. Cơ sở này sẽ tạo nên động lực lớn để các cá nhân trong tổ chức phấn đấu, tập trung hoàn thành nhiệm vụ được giao đồng thời cũng nâng cao thu nhập của CBCNV giúp cuộc sống của họ được ổn định và sung túc hơn.
- Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được Ban Giám đốc Công ty rất chú trọng, hoạt động này nhằm bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty.

### Về sản xuất kinh doanh

Sau khi tiến hành cổ phần hóa, Công ty vẫn tiếp tục triển khai và đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động sản xuất kinh doanh mang tính truyền thống của Công ty cũng như mở ra những hướng đi mới để nâng cao tiềm lực của công ty cổ phần với nội dung cụ thể như sau:

Chủ động trong việc lập kế hoạch đầu tư, sản xuất nhằm dự tính nguồn cung, chuẩn bị chu đáo các giải pháp cung ứng nhằm tiết kiệm tối đa chi phí đầu vào.

Cải tiến và bảo trì thường xuyên các phương tiện chuyên dùng nhằm giảm thiểu rủi ro.

Nghiên cứu và đầu tư máy móc thiết bị giảm thiểu nguồn lực con người, đồng thời tăng năng suất.

### Về quản lý tài chính

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, nguồn tài chính lành mạnh và được quản lý chặt chẽ là vấn đề sống còn của mỗi doanh nghiệp; chính vì thế, Công ty đã sớm nhận biết được tầm quan trọng đó và có những định hướng triển khai cụ thể nhằm kiểm soát một cách tốt nhất tình hình tài chính của Công ty:

- Đối với nguồn vốn có được sau cổ phần hóa: Công ty sẽ xây dựng những kế hoạch kinh doanh cụ thể dựa trên quá trình nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng những nhân tố bên ngoài cũng như các nhân tố bên trong nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho quá trình sử dụng vốn của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiến hành củng cố và hoàn thiện bộ máy kế toán đồng thời thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế tài chính đã được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị.

- Đối với việc đầu tư, mở rộng sản xuất: Trên cơ sở phân tích nhu cầu thực tế của Doanh nghiệp cùng với quá trình nghiên cứu thị trường, Công ty sẽ có những kế hoạch mua sắm các phương tiện, máy móc cần thiết cho việc vận chuyển thu gom rác và mở rộng quy mô hoạt động cũng như đổi mới và nâng cấp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện tại cho Công ty.
- Đối với công tác theo dõi công nợ: Công ty cũng có những biện pháp tăng cường cho hoạt động rà soát và kiểm tra quá trình thu hồi cũng như trả nợ, từ đó đưa ra những quyết định điều tiết phù hợp nhằm đảm bảo sự luân chuyển tốt và nâng cao tốc độ quay vốn lưu động cho Công ty. Khoản mục Công nợ phải trả cũng là một khoản mục quan trọng trong cơ cấu tài chính Công ty, trong thời gian sau cổ phần hóa, cơ cấu nợ sẽ được điều chỉnh theo lộ trình, từng bước hoàn thiện các cán cân về tỷ số tài chính.
- Đối với quá trình kiểm soát chi phí: Cùng với lộ trình đại chúng hóa của công ty cổ phần, việc công bố thông tin về kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp trong tương lai là điều tất yếu. Hơn thế nữa, với mô hình thị trường ngày càng mở, cạnh tranh giữa các công ty trong ngành sẽ diễn ra ngày càng gay gắt. Chính vì vậy, Công ty cũng đã sớm ý thức và đưa vào triển khai các công tác nhằm tiết giảm chi phí, từ đó giảm giá thành, nâng cao tỷ suất lợi nhuận, tăng cường sức cạnh tranh cho Công ty.
- Đối với công tác phân tích và dự báo tài chính: Trong môi trường cạnh tranh ngày nay, công tác phân tích và dự báo tài chính có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động của Công ty. Do đó, Công ty thường xuyên tiến hành phân tích hoạt động tài chính của đơn vị đồng thời đưa ra những dự báo có tính thận trọng nhằm báo cáo kịp thời với lãnh đạo về thực trạng tài chính của Công ty từ đó đưa ra được những chiến lược tài chính phù hợp và hiệu quả nhất với những biến động thường xuyên của nền kinh tế thị trường.

## 15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.

## II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Trường Ảnh	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Đặng Thanh Bình	Phó chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Hồ Hương	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
4	Lê Đức Quý	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
5	Thái Văn Thành	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

**12.3. Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị****Nguyễn Trường Ảnh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị****Họ và tên** : Nguyễn Trường Ảnh**Ngày sinh** : 01/01/1960**Giới tính** : Nam**Số CMND** : 200009723 **Cấp ngày:** 27/05/2014 **Nơi cấp** : CA TP Đà Nẵng**Dân tộc** : Kinh **Quốc tịch** : Việt Nam**Quê quán** : Duy Hòa – Duy Nghĩa – Quảng Nam**Nơi ở hiện tại** : 57 Cao Thắng, P.Thanh Bình, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng**Trình độ**

Văn hóa : 12/12

Chuyên môn : Kỹ sư Cấp thoát nước

**Chức vụ hiện nay tại công ty** : Chủ tịch HĐQT**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không**Quá trình công tác:**

- 1978 - 1979 : Thi đỗ Đại học Bách khoa Đà Nẵng, được chọn đi học ngoại ngữ (Tiếng Nga) tại Thành phố Hồ Chí Minh, chuẩn bị đi du học ở Liên Xô
- 1979 - 1984 : Học tại trường Đại học Kỹ thuật Xây dựng Leningrad (Liên Xô)
- 1985 - 2001: Công tác tại viện thiết kế Xây dựng Quảng Nam - Đà Nẵng, sau được đổi tên thành Công ty tư vấn Thiết kế xây dựng Đà Nẵng. Từ năm 1997: Giữ chức vụ Phó giám đốc
- 2001 - 10/2006: Công tác tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng
- 6/2007: được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng
- 6/2010 - 10/2016: Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng
- 11/2016 - nay: Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

**Số lượng cổ phần nắm giữ: 13.934.286 cổ phần, chiếm 24,04% vốn điều lệ, trong đó:**

- Sở hữu cá nhân: 4.600 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của UBND TP. Đà Nẵng: 13.929.686 cổ phần, chiếm 24,03% vốn điều lệ.

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:**

Tên người có liên quan	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
UBND TP. Đà Nẵng	Đại diện vốn	34.824.217	60,08%

**Hành vi vi phạm pháp luật** : Không có**Những khoản nợ đối với Công ty** : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

### **Đặng Thanh Bình – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên : Đặng Thanh Bình

Ngày sinh : 01/01/1963

Giới tính : Nam

Số CMND : 200800437

Cấp ngày: 19/4/2012

Nơi cấp : CA TP Đà Nẵng

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam

Nơi ở hiện tại : 99 Núi Thành, P.Hòa Thuận Đông, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng

#### **Trình độ**

Văn hóa : 12/12

Chuyên môn : Kỹ sư kinh tế nông nghiệp, cử nhân luật

Chức vụ hiện nay tại công ty : Phó chủ tịch HĐQT

#### **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung;
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng;
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa cao cấp Đà Nẵng - Miền Trung;
- Chủ tịch HĐQT Công ty Công trình giao thông Đà Nẵng

#### **Quá trình công tác:**

- 1983 - 1985: Nhân viên, trưởng phòng KH, HTX Nông nghiệp II, Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam.
- 1985 - 1988 : Phó Chủ nhiệm, Chủ nhiệm HTX Nông nghiệp II, Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam.
- 1989 - 1991: Trưởng ban tuyên huấn xã Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam
- 1991 - 1994: Chủ nhiệm HTX Sản xuất kinh doanh và Dịch vụ Tổng hợp, Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam.
- 1994 - 1996: Chủ tịch UBND xã Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam
- 1996 - 1999: phó trưởng ban, BQL các Dự án Đầu tư xây dựng huyện Đại Lộc, Quảng Nam
- 1999 - 2000: Trưởng phòng KH-Đầu tư, BQL các KCN tỉnh Quảng Nam.
- 2000 - 2006: Giám đốc Công ty Phát triển và khai thác Hạ tầng KCN Đà Nẵng.



- 2007 - 10/2016: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa cao cấp Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty Công trình giao thông Đà Nẵng
- 11/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa cao cấp Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty Công trình giao thông Đà Nẵng; Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

**Số lượng cổ phần nắm giữ: 20.286.744 cổ phần, chiếm 35,00% vốn điều lệ, trong đó:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của CTCP Đầu tư Đà Nẵng Miền Trung: 20.286.744 cổ phần, chiếm 35,00% vốn điều lệ.

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:**

Tên người có liên quan	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
CTCP Đầu tư Đà Nẵng Miền Trung	Chủ tịch HĐQT, Đại diện vốn	20.286.744	35,00%

**Hành vi vi phạm pháp luật** : Không có

**Những khoản nợ đối với Công ty** : Không có

**Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không có

**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không có

### **Hồ Hương – Thành viên Hội đồng Quản trị**

**Họ và tên** : Hồ Hương

**Ngày sinh** : 20/5/1969

**Giới tính** : Nam

**Số CMND** : 201022122

**Cấp ngày:** 29/12/2009

**Nơi cấp** : CA TP Đà Nẵng

**Dân tộc** : Kinh

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Quê quán** : Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam

**Nơi ở hiện tại** : 157 Lê Thanh Nghị, P.Hòa Cường Bắc, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng

#### **Trình độ**

Văn hóa : 12/12

Chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng cầu đường

**Chức vụ hiện nay tại công ty** : Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

#### **Quá trình công tác:**

- 9/1993 - 8/1996: Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật, Công ty Xây dựng Công trình 512

- 8/1996 - 7/1997 : Phó trưởng phòng Kỹ thuật chất lượng, Công ty Xây dựng Công trình 512
- 7/1997 - 7/2004 : Kỹ thuật viên phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, BQL Dự án ĐTX D Công trình GTCC Đà Nẵng
- 7/2004-10/2005 : Phó trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, BQL Dự án ĐTXD Công trình GTCC Đà Nẵng
- 10/2005 - 5/2010 : Phó giám đốc Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng
- 5/2010 - 6/2014: Trưởng ban, Ban QLDA Hạ tầng giao thông Đô thị Đà Nẵng
- 6/2014 - 5/2016: Trưởng ban, Ban QLDA xây dựng số 2 tp. Đà Nẵng
- 5/2016 - 10/2016: Bí thư Đảng ủy, Phó giám đốc Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng, Công nghiệp Đà Nẵng
- 11/2016 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

**Số lượng cổ phần nắm giữ: 12.188.476 cổ phần, chiếm 21,03% vốn điều lệ, trong đó:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của UBND TP.Đà Nẵng: 12.188.476 cổ phần, chiếm 21,03% vốn điều lệ.

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:**

Tên người có liên quan	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
UBND TP. Đà Nẵng	Đại diện vốn	34.824.217	60,08%

**Hành vi vi phạm pháp luật** : Không có

**Những khoản nợ đối với Công ty** : Không có

**Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không có

**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không có

### **Lê Đức Quý – Thành viên Hội đồng Quản trị**

**Họ và tên** : Lê Đức Quý

**Ngày sinh** : 01/01/1964

**Giới tính** : Nam

**Số CMND** : 200020492 **Cấp ngày:** 25/4/2002

**Nơi cấp** : CA TP Đà Nẵng

**Dân tộc** : Kinh

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Quê quán** : Hòa Quý – Ngũ Hành Sơn – Đà Nẵng

**Nơi ở hiện tại** : K44/17 Nguyễn Thành Hãn, P.Hòa Thuận Tây, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng

### **Trình độ**

Văn hóa : 12/12

Chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

**Chức vụ hiện nay tại công ty** : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

**Quá trình công tác:**

- 5/1987 - 6/1996: Chuyên viên phòng Kế hoạch, Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng kiêm nhiệm Kế toán trưởng BQL các công trình xây dựng, BQL vốn quy hoạch thuộc Sở Xây dựng.
- 7/1996 - 12/1999: Kế toán trưởng, phó phòng Kế hoạch Tài chính, viện quy hoạch đô thị và Nông thôn Đà Nẵng
- 01/2000 - 04/2006: Kế toán trưởng, trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ, Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng
- 5/2006 - 6/2007: Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tổng hợp, Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng
- 7/2007 - 3/2013: Phó viện trưởng Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng
- 4/2013 - 10/2016: Trưởng phòng Kế toán tài chính, Sở xây dựng Đà Nẵng
- 11/2016 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

**Số lượng cổ phần nắm giữ: 8.706.055 cổ phần, chiếm 15,02% vốn điều lệ, trong đó:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của UBND TP.Đà Nẵng: 8.706.055 cổ phần, chiếm 15,02% vốn điều lệ.

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:**

Tên người có liên quan	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
UBND TP. Đà Nẵng	Đại diện vốn	34.824.217	60,08%

**Hành vi vi phạm pháp luật** : Không có

**Những khoản nợ đối với Công ty** : Không có

**Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không có

**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không có

**Thái Văn Thành – Thành viên Hội đồng Quản trị**

**Họ và tên** : Thái Văn Thành

**Ngày sinh** : 25/11/1980

**Giới tính** : Nam

**Số CMND** : 201786644 **Cấp ngày:** 02/10/2015

**Nơi cấp** : CA TP Đà Nẵng

**Dân tộc** : Kinh

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Quê quán** : Điện Trung – Điện Bàn – Quảng Nam

Nơi ở hiện tại : Tổ 44B, P.Hòa An, Q.Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng

**Trình độ**

Văn hóa : 12/12

Chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng cầu đường

Chức vụ hiện nay tại công ty : Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung

**Quá trình công tác:**

- 2006 - 2010: Làm việc tại Công ty 507, Chi nhánh Quảng Ninh.
- 2010 - 10/2016: Làm việc tại Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung
- 7/2011 – 8/2012: Phó giám đốc Ban Kỹ thuật Xây dựng
- 9/2012 – 7/2016: Giám đốc Ban Kỹ thuật Xây dựng
- 8/2016 – 10/2016: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng-Miền Trung
- 11/2016 - nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng; Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung

**Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:**

- Sở hữu cá nhân: không có
- Đại diện sở hữu: không có

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:**

Tên người có liên quan	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
CTCP Đầu tư Đà Nẵng Miền Trung	Phó Tổng Giám đốc	20.286.744	35,00%

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

## 2. Ban Kiểm soát

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát

2	Phạm Thị Quế Chi	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Thái Quốc Khánh	Thành viên Ban Kiểm soát

#### 12.4. Sơ yếu lý lịch Kiểm soát viên

##### Nguyễn Thị Thu Hà – Trưởng Ban kiểm soát

**Họ và tên** : Nguyễn Thị Thu Hà

**Ngày sinh** : 18/01/1973

**Giới tính** : Nữ

**Số CMND** : 201242807      **Cấp ngày:** 26/10/2006      **Nơi cấp** : CA TP Đà Nẵng

**Dân tộc** : Kinh      **Quốc tịch** : Việt Nam

**Quê quán** : Quế Phú - Quế Sơn - Quảng Nam

**Nơi ở hiện tại** : 86/2 Đông Đa, P.Thanh Bình, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng

##### Trình độ

Văn hóa : 12/12

Chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành kế toán

**Chức vụ hiện nay tại công ty** : Trưởng Ban kiểm soát

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

##### Quá trình công tác:

- 10/1995 - 2/2006 : Chuyên viên kinh doanh, Công ty CP Hóa dầu Petrolimex CN Đà Nẵng.
- 3/2006 - 5/2011 : Phụ trách kế toán, Công ty CP Nhựa đường Petrolimex CN Đà Nẵng.
- 6/2011 - 9/2016 : Trưởng phòng Kế toán tổng hợp, Công ty Hóa dầu Quân đội, CN Đà Nẵng.
- 10/2016: Giám đốc Ban tài chính tại Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung
- 11/2016 - nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

**Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:**

- Sở hữu cá nhân: không có
- Đại diện sở hữu: không có

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:** không có

**Hành vi vi phạm pháp luật** : Không có

**Những khoản nợ đối với Công ty** : Không có

**Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không có

**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không có

**Phạm Thị Quế Chi – Thành viên Ban Kiểm soát****Họ và tên** : Phạm Thị Quế Chi**Ngày sinh** : 16/12/1977**Giới tính** : Nữ**Số CMND** : 201301320 **Cấp ngày:** 15/07/2010 **Nơi cấp** : CA TP Đà Nẵng**Dân tộc** : Kinh **Quốc tịch** : Việt Nam**Quê quán** : Hòa Quý - Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng**Nơi ở hiện tại** : 52/14b Phan Thanh, P.Thạc Gián, Q.Thanh Khê, TP. Đà Nẵng**Trình độ**

Văn hóa : 12/12

Chuyên môn : Cử nhân Kinh tế ngành kế toán kiểm toán

**Chức vụ hiện nay tại công ty** : Thành viên Ban kiểm soát, Phó Trưởng phòng Kế toán tài chính**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không**Quá trình công tác:**

- 1996 - 9/2014: Làm việc tại Phòng Kế toán, Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng.
- 10/2014 - 10/2016 : Làm việc tại Phòng Kế toán, Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng.
- 11/2016 - nay: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Phó trưởng phòng Kế toán tài chính Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

**Số lượng cổ phần nắm giữ: 11.300 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ, trong đó:**

- Sở hữu cá nhân: 11.300 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: không có

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:** không có**Hành vi vi phạm pháp luật** : Không có**Những khoản nợ đối với Công ty** : Không có**Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không có**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không có**Thái Quốc Khánh – Thành viên Ban Kiểm soát****Họ và tên** : Thái Quốc Khánh**Ngày sinh** : 01/9/1979**Giới tính** : Nam**Số CMND** : 201676363 **Cấp ngày:** 15/12/2010 **Nơi cấp** : CA TP Đà Nẵng**Dân tộc** : Kinh **Quốc tịch** : Việt Nam**Quê quán** : Vĩnh Nam – Vĩnh Linh - Quảng Trị

**Nơi ở hiện tại** : Chung cư A1 Vũng Thùng, P.Nại Hiên Đông, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng

**Trình độ**

Văn hóa : 12/12

Chuyên môn : Cử nhân Kinh tế ngành kế toán

**Chức vụ hiện nay tại công ty** : Thành viên Ban kiểm soát

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Phó trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính TP Đà Nẵng

**Quá trình công tác:**

- 12/2001 - 9/2007 : Chuyên viên phòng Nghiệp vụ I, Chi cục Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính Tp. Đà Nẵng.
- 10/2007 - 12/2008: Học Thạc sĩ Khoa học tài chính tại trường Đại học Portsmouth, Anh Quốc
- 01/2009 - 12/2011: Chuyên viên phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính Tp. Đà Nẵng
- 12/2012 - 10/2016: Phó trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính Tp. Đà Nẵng; Ủy viên thường vụ, Chủ nhiệm UBKT Công đoàn Sở Tài chính.
- 11/2016 - nay: Phó trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính TP. Đà Nẵng; Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng.

**Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:**

- Sở hữu cá nhân: không có
- Đại diện sở hữu: không có

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:** không có

**Hành vi vi phạm pháp luật** : Không có

**Những khoản nợ đối với Công ty** : Không có

**Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không có

**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không có

### 3. Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

**Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Hồ Hương	Tổng Giám đốc
2	Lê Đức Quý	Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Phước Thương	Phó Tổng Giám đốc

4	Hồ Minh Nam	Phó Tổng Giám đốc
5	Phan Thịnh	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Tài chính

### 12.5. Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc

#### Hồ Hương – Tổng Giám đốc

Xem tại phần Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

#### Lê Quý Đức – Phó Tổng Giám đốc

Xem tại phần Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

#### Trần Phước Thương – Phó Tổng Giám đốc

**Họ và tên** : Trần Phước Thương

**Ngày sinh** : 01/01/1966

**Giới tính** : Nam

**Số CMND** : 200828004 **Cấp ngày:** 26/07/2011 **Nơi cấp** : CA TP Đà Nẵng

**Dân tộc** : Kinh **Quốc tịch** : Việt Nam

**Quê quán** : Hòa Nhơn – Hòa Vang – Đà Nẵng

**Nơi ở hiện tại** : 35 Đặng Thai Mai, TP. Đà Nẵng

#### Trình độ

Văn hóa : 12/12

Chuyên môn : Kỹ sư Hóa, Cử nhân Kinh tế (Quản trị kinh doanh)

**Chức vụ hiện nay tại công ty** : Phó Tổng Giám đốc

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

#### Quá trình công tác:

- 12/1990 - 4/1994: Cán bộ Kỹ thuật, Quản đốc phân xưởng Nhà máy Thuốc lá Đà Nẵng
- 4/1994 - 3/1998: Quản đốc Nhà máy xi măng Hòa Khương; Trưởng phòng Marketing Nhà máy xi măng Hòa Khương; Trưởng phòng Tổng hợp Nhà máy xi măng Hòa Khương
- 4/1998 - 10/2001: Phó Chủ tịch Công đoàn ngành Xây dựng TP.Đà Nẵng
- 11/2001 - 3/2008: Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty Cấp nước Đà Nẵng
- 4/2008 - 10/2016: Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng

Từ 11/2016 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

**Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ, trong đó:**



- Sở hữu cá nhân: 7.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: không có

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:** không có

**Hành vi vi phạm pháp luật** : Không có

**Những khoản nợ đối với Công ty** : Không có

**Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không có

**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không có

### **Hồ Minh Nam – Phó Tổng Giám đốc**

**Họ và tên** : Hồ Minh Nam

**Ngày sinh** : 10/11/1975

**Giới tính** : Nam

**Số CMND** : 201204018 **Cấp ngày:** 19/12/2006 **Nơi cấp** : CA TP Đà Nẵng

**Dân tộc** : Kinh **Quốc tịch** : Việt Nam

**Quê quán** : Tam Hải, Núi Thành, Quảng Nam

**Nơi ở hiện tại** : Hải Phòng, P.Thạch Thang, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng

#### **Trình độ**

Văn hóa : 12/12

Chuyên môn : Thạc sỹ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng

**Chức vụ hiện nay tại công ty** : Phó Tổng Giám đốc

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

#### **Quá trình công tác:**

- 1995 - 2016: Làm việc tại Công ty Cấp nước Đà Nẵng nay là Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
- 2001: Tốt nghiệp đại học Kỹ sư đô thị, chuyên ngành Cấp thoát nước tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, hệ vừa học vừa làm
- 6/2001 - 10/2004: Công tác tại Ban QLDA cấp nước Đà Nẵng
- 10/2004 - 12/2005: Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó giám đốc Xí nghiệp Xây lắp thuộc Công ty Cấp nước Đà Nẵng
- 12/2005 - 10/2016: Được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng chi nhánh Cấp nước Liên Chiểu thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng

- 06/2012 - 10/2014: Học cao học chuyên ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng đô thị tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
- Từ 11/2016 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

**Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: không có

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không có**

**Hành vi vi phạm pháp luật** : Không có

**Những khoản nợ đối với Công ty** : Không có

**Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không có

**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không có

### **Phan Thịnh – Kế toán trưởng**

**Họ và tên** : Phan Thịnh

**Ngày sinh** : 04/01/1969

**Giới tính** : Nam

**Số CMND** : 201916830 **Cấp ngày:** 12/10/2002 **Nơi cấp** : CA TP Đà Nẵng

**Dân tộc** : Kinh **Quốc tịch** : Việt Nam

**Quê quán** : Hòa Thọ, Hòa Vang, Đà Nẵng

**Nơi ở hiện tại** : 300 Núi Thành, TP. Đà Nẵng

### **Trình độ**

Văn hóa : 12/12

Chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

**Chức vụ hiện nay tại công ty** : Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Tài chính

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

### **Quá trình công tác:**

- 07/1993 – 3/2003: Nhân viên phòng Kế toán Công ty Cấp nước Đà Nẵng
- 04/2003 – 12/2003: Phó Trưởng phòng Kế toán Công ty Cấp nước Đà Nẵng
- 01/2004 – 08/2006: Quyền Kế toán trưởng Công ty Cấp nước Đà Nẵng
- 09/2006 – nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Tài chính Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

**Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: không có

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:** không có

**Hành vi vi phạm pháp luật** : Không có

**Những khoản nợ đối với Công ty** : Không có

**Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không có

**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không có

#### 4. Việc thực hiện quy định về quản trị của Công ty

Công ty luôn cố gắng tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật, quy chế nội bộ về quản trị công ty, đồng thời xem xét các thông lệ tốt về quản trị để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả thực tế.

Hiện tại, bà Phạm Thị Quế Chi là Thành viên Ban kiểm soát đồng thời là người trong bộ phận Kế toán tài chính của Công ty, chưa phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 quy định “*Thành viên ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo*”. Công ty cam kết sẽ xem xét lại cơ cấu ban kiểm soát và tiến hành bầu cử thay thế thành viên ban kiểm soát tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất nhằm đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định quản trị Công ty đại chúng.

Đối với các nội dung không được quy định tại Điều lệ Công ty, Công ty cam kết thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật quy định liên quan đến quản trị Công ty đại chúng.




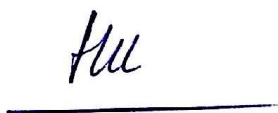

### III. PHỤ LỤC

**Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

**Phụ lục II:** Báo cáo tài chính kiểm toán giai đoạn 01/01 đến 31/10/2016;

**Phụ lục III:** Báo cáo tài chính kiểm toán giai đoạn 01/11/2016 đến 31/12/2016;

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2017

<b>TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ</b> <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG</b>	
<u>CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	<u>TỔNG GIÁM ĐỐC</u>
 NGUYỄN TRƯỜNG ẢNH	 HỒ HƯƠNG
<u>TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT</u>	<u>KẾ TOÁN TRƯỞNG</u>
 NGUYỄN THỊ THU HÀ	 PHAN THỊNH
<b>TỔ CHỨC TƯ VẤN</b> <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH TP.HCM</b>	
<u>GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP</u>	
 LÊ QUANG NGỌC THANH	